

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị T Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 415/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 346/2022/QĐST/HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Ánh S**, sinh năm 1984; ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Hiện đang cư trú: Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Phan Duy T**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp A2, xã B2, huyện C2, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh S trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị S và anh Phan Duy T do được mai mối và được gia đình hai bên thống nhất tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/11/2011.

Trong quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không quá nghiêm trọng. Thời gian sau thì thường xuyên xảy ra bất hòa, không còn tiếng nói chung, vợ chồng cũng đã cố gắng tìm cách để hàn gắn tình cảm

nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh Phan Duy T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Phan Huỳnh Thảo M - sinh ngày 03/11/2011 và Phan Quan K - sinh ngày 23/03/2019; các con chung hiện đang sống với chị S. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 16/12/2022 chị S có văn bản yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là anh Phan Duy T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Phan Duy T.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao Giấy khai sinh các con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn, nuôi con chung và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Phan Duy T hiện đang cư trú tại xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Duy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh S có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều

227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Huỳnh Thị Ánh S và anh Phan Duy T.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Duy T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 209/2011, quyển số 02/2011 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28/11/2011, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ánh S và anh Phan Duy T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[5.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị S hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị S cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được nên chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với bị đơn anh Phan Duy T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến tham dự cũng không có ý kiến phản bác. Như vậy đã cho thấy anh T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong mối quan hệ hôn nhân với chị S.

[5.2] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ánh S về việc ly hôn với anh Phan Duy T là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về con chung: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị S và anh T có 02 con chung gồm Phan Huỳnh Thảo M - sinh ngày 03/11/2011 và Phan Quan K - sinh ngày 23/03/2019; khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Đồng thời, theo nguyện vọng của con chung Phan Huỳnh Thảo M có nguyện vọng được sống với chị S trong trường hợp chị S và anh T ly hôn. Bởi lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị S; giao các con chung gồm Phan Huỳnh Thảo My và Phan Quan Khải cho chị Huỳnh Thị Ánh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị S yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị S không chứng minh được thu nhập của anh T nên chị thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, xét thấy việc chị S thay đổi yêu cầu là không vượt quá phạm vi khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng

tháng bằng ½ mức lương cơ sở tương ứng với từng thời điểm thi hành, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[8] Về tài sản chung: Chị S trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[9] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ánh S xác định vợ không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh S phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Phan Duy T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ánh S được ly hôn với anh Phan Duy T.

2. Về con chung: Giao các con chung gồm Phan Huỳnh Thảo M - sinh ngày 03/11/2011 và Phan Quan K - sinh ngày 23/03/2019 cho chị Huỳnh Thị Ánh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Duy T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho mỗi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở, tương ứng với từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị Ánh S phải chịu án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009877 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Huỳnh Thị Ánh S đã nộp xong án phí.

- Anh Phan Duy T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh